

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 04
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	06 - 08
4. Kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	10
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	11
7. Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 04 năm 2009, và các giấy phép thay đổi bổ sung:

Giấy phép 313/UBCK- GP ngày 15/3/2010 thay đổi người đại diện pháp luật;

Giấy phép 327/UBCK-GP ngày 26/5/2010 thay đổi địa chỉ;

Giấy phép 98/GTĐC-UBCK ngày 6/7/2012 thay đổi vốn điều lệ lên 3 tỷ.

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định : 35.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) 3 8258106

Fax : +84 (8) 3 8248655

3. Ngành nghề hoạt động

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch
Ông Đặng Quang Tỷ	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên

4.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Ngô Thị Hải Việt	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đặng Quang Lý	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Minh Huyền	Q. Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 06 đến trang 28.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Điều hành Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ thủ thuật nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Điều hành Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

TM. Ban Điều hành



ĐẶNG QUANG TÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2376/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được lập ngày 11 tháng 08 năm 2015 (từ trang 06 đến trang 28) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc về Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.324.984.618	40.485.290.121
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	39.475.152.429	34.503.440.605
111	1. Tiền		36.175.152.429	31.503.440.605
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	3.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.3	4.142.419.439	4.575.562.215
131	1. Phải thu của khách hàng		576.627.400	200.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		90.800.000	129.000.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		91.659.591	334.506.434
138	4. Các khoản phải thu khác		3.384.332.448	3.912.055.781
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.707.412.750	1.406.287.301
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.4	219.449.749	12.404.300
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.5	1.487.963.001	1.393.883.001
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		825.756.554	891.165.348
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		387.781.823	426.187.605
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	314.656.823	341.812.605
222	- Nguyên giá		2.305.782.848	2.275.496.328
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.991.126.025)	(1.933.683.723)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	5.7	73.125.000	84.375.000
228	- Nguyên giá		2.553.521.305	2.553.521.305
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.480.396.305)	(2.469.146.305)
230	4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		437.974.731	464.977.743
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.8	76.853.383	113.456.314
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	5.9	239.877.348	230.277.429
268	4. Tài sản dài hạn khác		121.244.000	121.244.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.150.741.172	41.376.455.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHIAU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		19.413.564.369	13.314.115.310
310	I. Nợ ngắn hạn		19.413.564.369	13.314.115.310
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.10	800.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		-	-
313	3. Người mua trả tiền trước	5.11	411.181.818	304.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.12	193.231.835	243.576.381
315	5. Phải trả người lao động		258.841.133	18.915.800
316	6. Chi phí phải trả	5.13	845.830.813	71.506.400
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.14	14.985.092.182	11.976.889.182
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.15	1.912.205.288	698.737.547
321	9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		7.181.300	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.737.176.803	28.062.340.159
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.737.176.803	28.062.340.159
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.16	56.000.000.000	56.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.262.823.197)	(27.937.659.841)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.150.741.172	41.376.455.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
001.	Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003.	Tài sản nhận ký cược		-	-
004.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005.	Ngoại lệ các loại		-	-
006.	Chứng khoán lưu ký		49.560.300.000	41.740.140.000
007.	- Chứng khoán giao dịch		47.534.260.000	40.660.340.000
009.	+ Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		47.534.260.000	40.660.340.000
012.	- Chứng khoán tạm dừng giao dịch		929.000.000	-
014.	+ Chứng khoán tạm dừng giao dịch của khách hàng trong nước		929.000.000	-
017.	- Chứng khoán cầm cố		-	-
022.	- Chứng khoán tạm giữ		-	-
027.	- Chứng khoán chờ thanh toán		218.300.000	104.600.000
029.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		218.300.000	104.600.000
032.	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
037.	- Chứng khoán chờ giao dịch		500.000	-
039.	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		500.000	-
042.	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		884.300.000	975.200.000
044.	Chứng khoán ký quỹ bảo đảm khoản vay của khách hàng trong nước		884.300.000	975.200.000
047.	- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
050.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
051.	- Chứng khoán giao dịch		-	-
056.	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	-
061.	- Chứng khoán cầm cố		-	-
066.	- Chứng khoán tạm giữ		-	-
071.	- Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
076.	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút		-	-
081.	- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
082.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
083.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
084.	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Đặng Thị Minh Thư

PHAN THỊ MINH HUYỀN

ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu	6.1	5.174.168.985	5.350.642.511
01.1	- Doanh thu môi giới chứng khoán		3.389.025.637	926.173.840
01.2	- Doanh thu hoạt động tư vấn		907.536.491	342.062.500
01.3	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		8.562.450	5.444.880
01.4	- Doanh thu khác		869.044.407	4.076.961.291
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		5.174.168.985	5.350.642.511
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	6.2	4.191.645.903	2.910.656.433
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		982.523.082	2.439.986.078
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.3	2.307.686.438	2.900.713.591
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)		(1.325.163.356)	(460.727.513)
31	8. Thu nhập khác		-	-
32	9. Chi phí khác		-	27.217
40	10. Lợi nhuận khác (40=31-32)		-	(27.217)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		(1.325.163.356)	(460.754.730)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		(1.325.163.356)	(460.754.730)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.4	(237)	(82)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Minh Thu

PHẦN THỊ MINH HUYỀN


ĐẶNG QUANG TÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.325.163.356)	(460.754.730)
	2. Điều chỉnh các khoản		68.692.302	1.007.984.017
02	- Khấu hao tài sản cố định		68.692.302	562.002.165
03	- Các khoản dự phòng		-	445.981.852
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	-
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.256.471.054)	547.229.287
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		464.276.917	(462.234.361)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		5.164.634.999	3.465.477.116
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(170.442.518)	(135.385.681)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế TNDN đã nộp		-	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		4.201.998.344	3.415.086.361
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(30.286.520)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(30.286.520)	-
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		800.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		800.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.971.711.824	3.415.086.361
60	Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm		34.503.440.605	38.501.959.003
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	5.1	39.475.152.429	41.917.045.364

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Minh Thu

PHAN THỊ MINH HUYỀN



ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng (giảm)				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	6 tháng đầu năm trước		6 tháng đầu năm nay		Kỳ trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	56.000.000.000	-	-	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(27.349.862.875)	(27.937.659.841)	(460.754.730)	-	(1.325.163.356)	-	(27.810.617.605)	(23.262.823.197)
Cộng		28.650.137.125	28.062.340.159	(460.754.730)	-	(1.325.163.356)	-	28.189.385.395	25.737.176.803

Người lập biểu



Phan Thị Minh Huyền

Q. Kế toán trưởng



PHAN THỊ MINH HUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2015.

Tổng Giám đốc



ĐẶNG QUANG TÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Chứng khoán.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4. Tổng số nhân viên và lao động

Tổng số nhân viên và lao động của Công ty tại thời điểm lập báo cáo là 23 người.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán 30/06/2015: 21.673 VNĐ/USD.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2. Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu A cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để uđầu nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

+ Máy móc thiết bị văn phòng	04 năm
+ Thiết bị vận tải truyền dẫn	08 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
+ Phần mềm vi tính, hệ thống giao dịch	03 - 04 năm

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: là các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí khác: ghi nhận tại thời điểm phát sinh.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: tùy theo tính chất ảnh hưởng của khoản chi phí trả trước sẽ được phân bổ vào một hoặc nhiều kỳ kế toán.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận khi hoàn tất hợp đồng tư vấn.

▪ **Doanh thu khác:**

Bao gồm doanh thu tiền gửi ngân hàng, doanh thu thu xếp vốn và các dịch vụ cung cấp khác được ghi nhận khi hoàn tất hợp đồng và được xác nhận thanh lý hợp đồng.

4.8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

▪ **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.9. Nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 22%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.10. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.11. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

5. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	4.181.288	165.628.235
- Tiền gửi ngân hàng	36.470.971.141	31.337.812.370
Trong đó:		
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	34.556.184.047	30.637.914.672
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán ^(*)	1.914.787.094	699.897.698
- Các khoản tương đương tiền ^(**)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	39.475.152.429	34.503.440.605

^(*) Bao gồm tài khoản nhà đầu tư giao dịch chứng khoán và lãi tiền gửi.

^(**) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Quỹ Tín dụng nhân dân Đông Sài Gòn. Khoản tiền gửi này đang thế chấp tại Quỹ Tín dụng nhân dân Đông Sài Gòn cho khoản vay ngắn hạn (thuyết minh tại 5.10).

5.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
1. Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
2. Của người đầu tư	6.039.550	144.942.701.000
- Cổ phiếu	6.039.550	144.942.701.000
Tổng cộng	6.039.550	144.942.701.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á
Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 -- 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.3. Biến động các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu của khách hàng	200.000.000	-	-	621.627.400	245.000.000	576.627.400	-	-	-	
2. Trả trước cho người bán	129.000.000	-	-	-	38.200.000	90.800.000	-	-	-	
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	334.506.434	-	-	17.095.373.581	17.338.220.424	91.659.551	-	-	-	
- Phải thu của Sở giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	1.372.323	-	-	176.032.736	175.536.894	1.868.125	-	-	-	
- Phải thu khách hàng về các giao dịch ký quỹ (1)	333.134.111	-	-	1.967.918.071	2.211.260.756	85.791.426	-	-	-	
- Phải thu nhà đầu tư giao dịch chứng khoán khác	-	-	-	14.951.422.774	14.951.422.774	-	-	-	-	
4. Các khoản phải thu khác(2)	3.912.055.781	-	-	52.260.000	580.983.333	3.583.332.448	-	-	-	
Tổng cộng:	4.575.562.215	-	-	17.769.260.981	18.202.403.757	41.42.419.429	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

(1) Phải thu khách hàng về các giao dịch ký quỹ là các khoản phải thu theo các hợp đồng ký quỹ chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán của nhà đầu tư, với lãi suất 0,045%/ngày.

(2) Các khoản phải thu khác

Chi tiết	Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Mua bán Nợ Việt Nam	3.323.805.175	3.876.305.175
- Các khoản phải thu khác	59.527.273	35.750.606
Cộng	3.383.332.448	3.912.055.781

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu năm	12.404.300	9.714.722
- Phát sinh tăng trong kỳ	1.271.036.785	1.206.497.680
- Phan bỏ trong kỳ	(1.063.991.336)	(973.939.917)
Số dư cuối kỳ	219.449.749	240.252.485

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Chi tiết	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tạm ứng	193.679.561	263.883.001
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn ^(*)	1.130.000.000	1.130.000.000
Cộng	1.323.679.561	1.393.883.001

^(*) Là khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng tư vấn môi giới với Công ty Cp Mua bán Nợ Miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	1.106.279.674	755.094.200	414.122.454	2.275.496.328
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua mới trong kỳ	30.286.520	-	-	30.286.520
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.136.566.194	755.094.200	414.122.454	2.305.782.848
Trong đó:				
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết còn sử dụng là	1.024.288.424	-	414.122.454	1.438.410.878
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm	1.063.358.501	456.202.768	414.122.454	1.933.683.723
2. Tăng trong kỳ	10.248.912	47.193.390	-	57.442.302
Khấu hao trong kỳ	10.248.912	47.193.390	-	57.442.302
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.073.607.413	503.396.158	414.122.454	1.991.126.025
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	42.921.173	298.891.432	-	341.812.605
2. Tại ngày cuối kỳ	62.958.781	251.698.042	-	314.656.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.7. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Bảng quyền, phần mềm giao dịch chứng khoán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	2.553.521.305	2.553.521.305
2. Tăng trong kỳ	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.553.521.305	2.553.521.305
Trong đó:		
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết và sử dụng là	2.463.521.305	2.463.521.305
II. Giá trị hao mòn		
1. Số dư đầu năm	2.046.941.702	2.046.941.702
2. Tăng trong kỳ	11.250.000	11.250.000
Khấu hao trong kỳ	11.250.000	11.250.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.480.396.305	2.480.396.305
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	84.375.000	84.375.000
2. Tại ngày cuối kỳ	73.125.000	73.125.000

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu năm	113.456.314	224.662.681
- Phát sinh tăng trong kỳ	-	-
- Phân bổ trong kỳ	(36.602.931)	(95.152.082)
Số dư cuối kỳ	76.853.383	129.510.599

5.9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÀU A

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Biến động cáo khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư tại ngày đầu năm	230.277.429	208.696.257
Số tiền nộp bổ sung trong kỳ	9.599.919	9.137.440
- Lãi nhận được trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	239.877.348	217.833.67

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay của Quỹ tín dụng nhân dân Đồng Sài Gòn, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 11,5%/năm, tài sản thế chấp là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Quỹ tín dụng nhân dân Đồng Sài Gòn.

5.11. Người mua trả tiền trước

Là khoản ứng trước của khách hàng lĩnh vực tư vấn.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	69.257.891	31.978.678
- Thuế thu nhập cá nhân	123.973.944	211.627.703
Cộng	193.231.835	243.576.381

5.13. Chi phí phải trả

Chủ yếu là khoản trích trước phù hợp với doanh thu.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	8.608.000	5.670.000
- Bảo hiểm xã hội, Y tế	32.126.128	27.185.128
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn ^(*)	500.000.000	500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ^(**)	14.436.901.054	11.436.901.054
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.457.000	7.133.000
Cộng	14.985.092.182	11.976.889.182

^(*) Là khoản nhận ký quỹ theo Hợp đồng số 205/2014/HĐTXV/ASC-HBT ngày 25/07/2014 của Công ty Cp TMDV Tổng hợp Hải Bà Trưng.

^(**) Các khoản phải trả, phải nộp khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chủ yếu là khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh chi tiết như sau:

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguyễn Thị Thanh Hương ⁽¹⁾	10.200.000.000	10.200.000.000
- Nguyễn Minh Chính ⁽²⁾	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty Tài chính TNHH HD SAISON ⁽³⁾	3.000.000.000	-
- Mượn Công ty Cp Hoàn Lộc Việt	56.688.188	56.688.188
- Phải trả khác	180.212.866	180.212.866
Cộng	14.436.901.054	11.436.901.054

⁽¹⁾ Là khoản hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 009/HĐKD.ASC/2014, 010/HĐKD.ASC/2014, 012/HĐKD.ASC/2014 với lợi suất đầu tư 11%/năm.

⁽²⁾ Là khoản hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 011/2014/HĐKD.ASC/2014 với lợi suất đầu tư 10,5%/năm.

⁽³⁾ Là khoản phải trả Công ty Tài chính TNHH HD SAISON tiền phát hành Chứng chỉ tiền gửi theo Hợp đồng đại lý số 05062015/HDSAISON-ASC ngày 05/06/2015.

5.15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán.

5.16. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Công ty Cp Hoàn Lộc Việt	21,86	12.240.000.000	21,86	12.240.000.000
- Ông Phan Minh Hoàn	65,29	36.560.000.000	65,29	36.560.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hương	6,43	3.600.000.000	6,43	3.600.000.000
- Bà Đỗ Thị Bích Huệ	3,21	1.800.000.000	3,21	1.800.000.000
- Ông Phan Vũ Tuấn	3,21	1.800.000.000	3,21	1.800.000.000
Cộng	100,00	56.000.000.000	100,00	56.000.000.000

▪ Cổ phiếu

Chi tiết gồm:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Doanh thu

Chi tiết gồm	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Doanh thu môi giới chứng khoán	3.389.025.637	926.173.840
- Doanh thu hoạt động tư vấn	907.338.491	342.082.300
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	8.562.450	5.444.880
- Doanh thu khác	869.044.407	4.076.961.291
Cộng	5.174.168.985	5.350.642.511

6.2. Chi phí hoạt động

Chi tiết gồm	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Chi phí lương và chi phí liên quan	1.030.620.334	701.279.000
- Chi phí hoạt động môi giới	1788.231.765	170.575.185
- Chi phí hoạt động tư vấn	880.952.500	17.039.750
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	31.235.238	35.897.343
- Chi phí thu xếp vốn	-	1.006.902.700
- Chi phí khấu hao	22.640.166	419.244.698
- Chi phí mua ngoài	321.714.226	340.331.490
- Chi phí chung khác	116.251.674	219.386.267
Cộng	4.191.645.903	2.910.656.433

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Chi phí nhân viên quản lý	1.162.216.499	1.119.131.000
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	69.261.923	104.044.276
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.224.222	193.892.232
- Phí, lệ phí	4.495.000	7.661.650
- Chi phí dự phòng	-	445.981.852
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.321.841	861.188.154
- Chi phí bằng tiền khác	50.166.953	168.814.427
Cộng	2.307.686.438	2.900.713.591

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

6.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.325.163.356)	(460.754.730)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.325.163.356)	(460.754.730)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.600.000	5.600.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(237)	(82)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****7.1.a Tiền lương và tiền thưởng của các thành viên chủ chốt(*) của Công ty**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu nhập đã phát sinh trong năm	359.908.000	265.824.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát.

7.1.b Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 21,86%)
Trong kỳ công ty có giao dịch với bên liên khác là cổ đông góp vốn như sau:	
	<u>Kỳ này</u> <u>Kỳ trước</u>
Doanh thu phí tư vấn	576.627.400 -
Số dư với các bên liên quan:	
	<u>Cuối kỳ</u> <u>Đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	576.627.400 -
Phải trả ngắn hạn khác	56.688.188 56.688.188

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận**▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mọi giới và dịch vụ khách hàng	Tư vấn tài chính	Bộ phận khác	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015				
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.397.588.087	1.712.081.946	64.498.952	5.174.168.985
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.752.418.168	1.386.973.739	52.251.244	4.191.645.903
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ	1.313.327.923	763.390.380	28.766.621	2.307.686.438
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(870.160.840)	(438.483.603)	(16.519.740)	(1.325.163.356)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014				
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	931.618.720	342.062.500	4.076.961.291	5.350.642.511
Chi phí hoạt động kinh doanh	277.661.453	138.930.226	2.474.064.734	2.910.656.433
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ	505.053.193	185.440.410	2.210.219.988	2.900.713.591
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	148.904.074	(2.308.136)	(607.323.451)	(460.727.513)

▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

7.3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với hoạt động của Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7.3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7.3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc Ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	800.000.000	-	800.000.000
Phải trả cho người bán	-	-	-
Các khoản phải trả khác	15.830.922.995	-	15.830.922.995
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.912.205.288	-	1.912.205.288
Cộng	18.543.128.283	-	18.543.128.283
Số đầu năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả cho người bán	-	-	-
Các khoản phải trả khác	12.048.395.587	-	12.048.395.587
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	698.737.547	-	698.737.547
Cộng	12.747.133.129	-	12.747.133.129

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị ghi sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.475.152.429	34.503.440.605	39.475.152.429	34.503.440.605
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	91.659.591	334.506.434	91.659.591	334.506.434
Phải thu khách hàng	576.627.400	200.000.000	576.627.400	200.000.000
Các khoản phải thu khác	4.828.256.009	5.516.591.873	4.828.256.009	5.516.591.873
Cộng	44.971.695.429	40.554.538.912	44.971.695.429	40.554.538.912
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	800.000.000	-	800.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.912.205.288	698.737.547	1.912.205.288	698.737.547
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	15.830.922.995	12.142.031.946	15.830.922.995	12.142.031.946
Cộng	18.543.128.283	12.840.769.493	18.543.128.283	12.840.769.493

7.5 Sự kiện sau ngày kết thúc niên kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu

Q. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đặng Thị Minh Thư



PHAN THỊ MINH HUYỀN



ĐẶNG QUANG TÝ